

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**
2. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 830/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **LỤC THỊ T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp LN, xã MLA, huyện CB, tỉnh TG.

* Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN Đ**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp LN, xã MLA, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị T, anh Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Lục Thị T trình bày:

Chị và anh Đ xác lập quan hệ vợ chồng năm 1999, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phẫn nộ sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay. Nguyên nhân theo chị là do anh Đ không tôn trọng chị, có lời nói xúc phạm chị, đánh đập chị nhiều lần, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh Đ.

+ Về con chung : Anh chị có 02 con chung tên : Nguyễn Văn B, sinh ngày 23/3/2001 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/9/2002, khi ly hôn chị đồng ý để anh Đ nuôi 02 con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo tờ khai và lời trình bày tại phiên tòa, phía bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị T xác lập quan hệ hôn nhân năm 1999, có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phẫn nộ sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh là do vợ chồng có lời qua tiếng lại chứ không có mâu thuẫn lớn, hai bên có giảng hòa với nhau chứ anh không đánh vợ. Anh chị có 02 con chung theo lời vợ anh trình bày là đúng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Tại phiên tòa chị T và anh Đ vẫn giữ ý kiến vậy yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn. Theo lời chị T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay, nguyên nhân theo chị là do anh Đ không tôn trọng chị, có lời nói xúc phạm chị, đánh đập chị nhiều lần, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, chị bỏ đi làm ăn xa từ năm 2016 đến nay không liên lạc qua lại với anh Đ, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên nay chị xin ly hôn anh Đ. Còn anh Đ cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng theo lời chị T trình bày là đúng, tuy nhiên anh vẫn làm tròn trách nhiệm với gia đình nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy chị Tiến và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài từ năm 2016 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ được, tại phiên tòa anh Đ mong muốn vợ chồng hàn gắn lại với nhau nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, phía chị T cương quyết xin ly hôn và xác định không thể sống chung được với anh Đ, mặc khác anh chị đã ly thân thời gian dài, hai bên không liên lạc qua lại với nhau, chứng tỏ tình cảm của anh chị đã tan vỡ và không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận của chị có xác nhận của ban quản lý ấp LN, xã MLA ngày 07/01/2019 nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên: Nguyễn Văn B, sinh ngày 23/3/2001 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/9/2002, tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, phía chị T cũng đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi 02 con chung, mặc khác qua tham khảo ý kiến của hai con chung cũng có nguyện vọng sống với anh Đ nếu anh chị ly hôn. Xét thấy từ khi anh chị ly thân hai con chung do anh Đ nuôi dưỡng đã ổn định, hai cháu phát triển tốt bình thường, do đó để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của hai con chung nên tiếp tục giao hai con cho anh Đ nuôi là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ xác định đủ khả năng nuôi 02 con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lục Thị T.
Cho chị Lục Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung:

- Tiếp tục giao hai con chung cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 23/3/2001 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/9/2002 cho anh Đ nuôi dưỡng.

Chị Lục Thị T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Chị Lục Thị T được quyền tới lui thăm hai con chung theo quy định của pháp luật.

3/ **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ **Về nợ chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ **Về án phí**

Chị Lục Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 09584 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè
- Chi cục THADS huyện Cái Bè
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH